TÒA ÁN NHÂN DÂN
Huyện K - Tỉnh Ninh Bình

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **12**/2018/HSST
Ngày: 09/3/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Toà án nhân dân Huyện K - tỉnh Ninh Bình

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà***: Ông Nguyễn Hữu Mạnh.
- ***Các Hội thẩm nhân dân***:

1. Ông: Vũ Kim Mỹ.
2. Ông: Vũ Đức Bính.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Phan Thị Ninh, Thư ký Toà án nhân dân huyện K - tỉnh Ninh Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện K -Tỉnh Ninh Bình tham gia phiên toà: Ông Phạm Văn Hoàn, Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, Tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 09/2018/HSST ngày 25 tháng 01 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/ 2018/QĐXXST-HS ngày 23/02/2018 đối với bị cáo :

Họ và tên: **Trần Văn T**, sinh năm 1991.

Nơi sinh : xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Nơi ĐKHKTT, chỗ ở : xóm 4, xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Hùng C và bà Phạm Thị L; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự : không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chăn cấm đi khỏi nơi cư trú(có mặt).

- Người bị hại: Anh Phạm Văn H, sinh năm 1982 ; Trú tại xóm 13, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Trần Anh T1, sinh năm 1987; Trú tại: phố P, thị trấn P, huyện K, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt);

+ Chị Trần Thị H1, sinh năm 1979; Trú tại: xóm 5, xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt);

+ Chị Lê Thị T2, sinh năm 1986; Trú tại xóm 13, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt);

- Người làm chứng: Bà Trần Thị H2, sinh năm 1970; Trú tại xóm 10, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau :

Do có quen biết nhau nên Trần Thị H1 nhờ và hẹn Trần Văn T đến nhà anh Phạm Văn H ở xóm 13, xã K để đòi nợ cho H1. Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 12/10/2017, T điều khiển xe mô tô đến nhà anh H, trên đường đi gặp Trần Anh T1 là người quen và T hỏi đi nhờ xe T. T, T1 gặp H1 ở ngã tư gần nhà anh H, sau đó cả ba đến nhà H. Đến nơi, H1, T, T1 vào trong phòng khách nhà anh H, tại đây H1, H, T nói về chuyện vay nợ giữa anh H với H1 thì xảy ra mâu thuẫn dẫn đến việc cãi chửi nhau giữa T và H. T dùng chén, đĩa để trên mặt bàn uống nước ném về phía anh H nhưng anh H tránh được nên chén, đĩa trúng vào tường bị rơi vỡ. Anh H cầm một chiếc mi crô định ném lại T, nhưng T lao vào giằng co với anh H làm chiếc mi crô bị rơi xuống đất. Thấy vậy T1 và chị T2 vợ anh H chạy đến can ngăn không cho đánh nhau, T liền nhặt chiếc mi crô anh H vừa làm rơi ở dưới nền nhà ném thẳng vào chiếc ti vi Sony 43 in màn hình tinh thể lỏng kê trên tủ gần bàn uống nước làm màn hình ti vi bị vỡ, sau đó T tiếp tục lấy chiếc micrô thứ hai để trên mặt bàn đập thẳng phần tay cầm của mi crô xuống mặt bàn làm vỡ kính của chiếc bàn uống nước, khi được T1 và chị T2 can ngăn, T đi xe máy về nhà.

Bản kết luận định giá số 36/HĐ-ĐG ngày 22/10/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện K kết luận: số tài sản gồm 01 màn hình ti vi nhãn hiệu Sony loại 43 inch, 01 mặt kính (bàn uống nước) kích thước 41 x 71 x 0,9 cm, 02 chiếc chén và 02 chiếc đĩa để uống nước có tổng giá trị còn lại là 9.157.000đ.

Bản cáo trạng số 14/CT-VKS ngày 22/01/2018 Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Sơn truy tố bị cáo Trần Văn T về tội " Cố ý làm hư hỏng tài sản " theo khoản 1 điều 143 BLHS năm 1999.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát huyện K vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố như nội dung cáo trạng nêu trên và đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Trần văn T phạm tội "Cố ý làm hư hỏng tài sản".

Áp dụng khoản 1 điều 143; điểm b, h, p khoản 1,2 điều 46 và Điều 31 BLHS năm 1999; Nghị Quyết số 41/2017/QH14; khoản 3 Điều 7 và khoản 1 Điều 178 BLHS năm 2015 xử phạt bị cáo Trần Văn T từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ.

áp dụng các quy định của pháp luật để xử lý vật chứng đã thu giữ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên toà hôm nay bị cáo Trần Văn T hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng đã nêu. Bị cáo khai nhận do được chị H1 nhờ đi cùng đến nhà anh H để đòi nợ giúp nên chiều ngày 12/10/2017 bị cáo đi xe mô tô đến nhà anh H, trên đường đi bị cáo gặp T1 là người quen nhờ bị cáo chở về nhà ở

thị trấn Phát Diệm, khi biết bị cáo đang đến nhà anh H thì T1 cũng xin đi theo luôn. Tại nhà anh H khi thấy giữa chị H1 và anh H nói chuyện về việc trả nợ, bị cáo cũng tham gia vì vậy giữa bị cáo và anh H xảy ra xích mích lời qua, tiếng lại với nhau. Do bực tức vì thái độ của anh H nên bị cáo đã dùng chén, đĩa uống nước ném anh H nhưng anh H tránh được, thấy anh H dùng chiếc mi crô định đánh lại, bị cáo liền giằng co với anh H làm chiếc micrô bị rơi xuống đất, bị cáo liền nhặt micrô ném thẳng vào chiếc ti vi làm vỡ màn hình ti vi, sau đó bị cáo cầm tiếp chiếc micrô thứ hai đang để trên bàn định đánh anh H nhưng khi đó anh T1 can, đẩy bị cáo ra, do không đánh được anh H nên bị cáo đã dùng đuôi micrô đập thẳng xuống mặt bàn kính làm vỡ kính mặt bàn, sau đó được mọi người can ngăn nên bị cáo lên xe đi về nhà.

Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ như biên bản sự việc, biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản tạm giữ tang vật, biên bản định giá tài sản bị thiệt hại do bị hư hỏng đã được thẩm tra đầy đủ tại phiên tòa.

Như vậy đã có đủ cơ sở kết luận, với hành vi làm hư hỏng tài sản của người khác gây thiệt hại 9.157.000đ, bị cáo Trần Văn T đã phạm tội "Cố ý làm hư hỏng tài sản", quy định tại khoản 1 Điều 143 Bộ luật hình sự năm 1999.

[2] Hành vi phạm tội của bị cáo mang tính chất nguy hiểm cho xã hội, chỉ vì nguyên nhân được người khác nhờ đi cùng để đòi nợ dẫn đến lời qua tiếng lại với anh H mà bị cáo đã có hành vi dùng mi crô của gia đình anh H ném gây hư hỏng ti vi và đập vỡ mặt kính bàn của họ. Vì vậy cần phải xử lý đối với bị cáo bằng biện pháp hình sự mới có tác dụng giáo dục và ngăn chặn những hành vi phạm tội tương tự.

[3] Khi lượng hình cũng cần xem xét, bị cáo là người theo đạo Thiên Chúa, có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình giải quyết vụ án, được cho tại ngoại bị cáo đã ân hận về hành vi phạm tội của mình vì vậy đã chủ động gặp người bị hại để xin lỗi và tự nguyện bồi thường toàn bộ thiệt hại cho họ; quá trình điều tra bị cáo khai báo thành khẩn, tại phiên toà bị cáo nhận thức rõ hành vi phạm tội của mình và tỏ thái độ ăn năn hối cải ; tại phiên tòa người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b,h, p khoản 1,2 Điều 46 BLHS năm 1999, đồng thời do quy định đối với tội phạm trên tại tại khoản 1 Điều 143 BLHS năm 1999 thì mức hình phạt thấp nhất là hình phạt cải tạo không giam giữ, còn theo khoản 1 Điều 178 BLHS năm 2015 thì mức hình phạt thấp nhất là phạt tiền, vì vậy cần áp dụng Nghị Quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội thực hiện các quy định tại khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13, thực hiện các quy định có lợi cho người phạm tội để xử phạt đối với bị cáo là phù hợp.

[4] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ của bị cáo, xét thấy không cần buộc phải cách ly xã hội mà nên áp dụng Điều 31 BLHS xử phạt bị cáo bằng hình phạt cải tạo không giam giữ cũng đủ điều kiện để bị cáo cải tạo, sửa chữa lỗi lầm. Do bị cáo không có việc làm ổn định vì vậy miễm khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại là anh Phạm Văn H đã được bị cáo bồi thường đầy đủ thiệt hại với số tiền là 10.000.000đ, đến nay anh H không còn yêu cầu gì thêm vì vậy trách nhiệm dân sự của bị cáo không cần xem xét đến nữa.

[6] Về xử lý vật chứng: 01 chiếc ti vi nhãn hiệu Sony 43 inch màn hình tinh thể lỏng bị vỡ màn hình cùng 02 chiếc mi crô không dây nhãn hiệu BF Audio là của người bị hại, nay cần trả lại cho anh H; chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung J7 màu vàng là tài sản của bị cáo không liên quan đến việc phạm tội vì vậy cần trả lại cho bị cáo, nhưng cần tiếp tục quản lý chiếc điện thoại trên để đảm bảo thi hành án về án phí. Đối với 01 mảnh kính trắng bị vỡ, 02 chén sứ và 16 mảnh đĩa sứ bị vỡ là những vật không còn giá trị sử dụng vì vậy cần tịch thu cho tiêu hủy.

[7] Về án phí: Bị cáo Trần Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án, Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện hành vi tố tụng hoàn toàn hợp pháp theo đúng quy định của pháp luật.

Vì lẽ trên :

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội "Cố ý làm hư hỏng tài sản ".

Áp dụng khoản 1 điều 143; điểm b, h, p khoản 1,2 điều 46 và Điều 31 BLHS năm 1999; Nghị Quyết số 41/2017/QH14; khoản 3 Điều 7 và khoản 1 Điều 178 BLHS năm 2015.

Xử phạt bị cáo Trần Văn T 12 tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ của bị cáo tính từ ngày UBND xã nơi bị cáo cư trú nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Trần Văn T cho UBND xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình giám sát giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ; gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Áp dụng khoản 1 Điều 41 BLHS năm 1999 ; Căn cứ điểm a,c khoản 2 Điều 106 BLTTHS năm 2015.

Tịch thu 01 mảnh kính trắng bị vỡ, 02 chén sứ và 16 mảnh đĩa sứ bị vỡ là những vật không còn giá trị sử dụng cho tiêu hủy.

Trả lại cho anh Phạm Văn H 01 chiếc ti vi nhãn hiệu Sony 43 inch màn hình tinh thể lỏng bị vỡ màn hình cùng 02 chiếc mi crô không dây nhãn hiệu BF Audio.

Trả lại cho bị cáo chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung J7 màu vàng, nhưng cần tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án về án phí.

Căn cứ điều 136 BLTTHS năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, buộc bị cáo Trần Văn T phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

án xử sơ thẩm công khai, bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Công an huyện K;
- UBND xã C;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)
Nguyễn Hữu Mạnh